TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/DS-ST
Ngày: 10/3/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Oanh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Châu
Bà Nguyễn Thị Xuân Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thuỷ - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận H.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 98/ 2024/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A; Trụ sở chính: xx N , phường xx, quận xx, thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T- Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị T1- Chuyên viên xử lý nợ 3 (Văn bản uỷ quyền số 824/UQ-QLN ngày 12/8/2020). Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Bà Mai Thị Mỹ H- Nhân viên xử lý nợ (theo Giấy ủy quyền số 763/GUQ ngày 07/3/2025). Địa chỉ: Tầng x, số xx P, quận H, Hà Nội. *(Có mặt).*

Bị đơn: Bà Lê Hương T, sinh năm 1984; HKTT và địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Số xx T, phường P, quận H, Hà Nội. (*Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/5/2021, bản tự khai và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần A trình bày:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của bà Lê Hương T ký ngày 09/3/2020 và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A, ngày 16/3/2020, A đã cấp cho bà T 01 thẻ tín dụng quốc tế (Visa Signature) số xx, hạn mức 200.000.000 *(Hai trăm triệu)* đồng. Lãi suất, phí được quy định tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng,

bà Lê Hương T đã không thanh toán đầy đủ cho A theo thông báo giao dịch hàng tháng. Ngày 21/9/2020, A đã chuyển khoản nợ thẻ của bà T sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn. Ngày 25/02/2021, A ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của bà T. Nay A khởi kiện yêu cầu bà T phải thanh toán khoản nợ tạm tính đến ngày 10/3/2025 gồm: Nợ gốc 226.024.530 đồng (trong đó dư nợ không tính lãi quá hạn là 27.126.282 đồng), lãi quá hạn là 374.789.690 đồng. Tổng cộng là **600.814.220 đồng** *(Sáu trăm tám trăm mười bốn triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng).* Bà Lê Hương T còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A, tính kể từ ngày 11/3/2025 đến ngày trả dứt nợ.

Bị đơn- bà Lê Hương T qua xác minh tại chính quyền địa phương, bà T hiện không có mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại số xx T, phường P, quận H, Hà Nội. Ngoài địa chỉ trên, nguyên đơn và chính quyền địa phương không cung cấp được địa chỉ nào khác của bà T. Tòa án xác định địa chỉ số xx T, phường P, quận H, Hà Nội là nơi cư trú cuối cùng của bà T và tiến hành thực hiện việc niêm yết đối với bà T theo quy định của pháp luật. Hết thời hạn niêm yết bà T không đến Tòa để thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn, Toà án không lấy được ý kiến quan điểm của bị đơn về việc giải quyết vụ án. Do vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn- Ngân hàng thương mại cổ phần A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Hương T phải thanh toán toàn bộ số dư nợ theo hợp đồng thẻ tín dụng ngày 09/3/2020 tạm tính đến ngày 10/3/2025 với tổng số tiền là **600.814.220 đồng** trong đó nợ gốc là 226.024.530 đồng (trong đó dư nợ gốc không tính lãi quá hạn là 27.126.282 đồng), lãi quá hạn là 374.789.690 đồng và lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 11/3/2025 cho đến ngày bà T thanh toán được toàn bộ khoản vay.

Bị đơn bà Lê Thị T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xác định Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của bà Lê Hương T ký ngày 09/3/2020 và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A, ngày 16/3/2020 hạn mức 200.000.000 *(Hai trăm triệu)* đồng giữa bà Lê Thị T và Ngân hàng A được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành đối

với các bên tham gia giao dịch. Theo tóm tắt sao kê của Ngân hàng tính đến ngày 10/3/2025 thể hiện bà T còn nợ số tiền nợ gốc là 226.024.530 đồng (trong đó dư nợ không tính lãi quá hạn là 27.126.282 đồng), lãi quá hạn là 374.789.690 đồng. Căn cứ theo Điều 20 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 xác định nợ gốc của bà T là dư nợ cuối kỳ tính đến ngày 10/3/2025 là 198.898.248 đồng. Việc Ngân hàng xác định nợ gốc của bà T là 226.024.530 đồng (trong đó dư nợ không tính lãi quá hạn là 27.126.282 đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận. Về lãi quá hạn: Căn cứ phần 4 mục 6 phụ lục 3 biểu phí, lãi suất thẻ tín dụng Visa Signature quy định lãi suất trong hạn là 30%, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn và các quyết định quy định biểu phí, lãi suất đối với thẻ do A phát hành thấy yêu cầu về khoản nợ lãi quá hạn tạm tính đến 10/3/2025 là 374.789.690 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận. Về án phí: Đề nghị Tòa án xác định nghĩa vụ chịu án phí của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng thương mại cổ phần A khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là bà Lê Hương T, sinh năm 1984; HKTT và địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Số xx T, phường P, quận H, Hà Nội. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

[2] Về việc xét xử trong trường hợp bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện bà Lê Hương T có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ số xx T, phường P, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Theo cung cấp của Công an phường P, hiện nay tại địa chỉ số xx T, phường P, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội không có người nào tên Lê Hương T cư trú và sinh sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo tìm kiếm bị đơn trong vụ án dân sự và yêu cầu nguyên đơn đăng tin trên thông tin đại chúng nhưng nguyên đơn có văn bản từ chối không đăng tin nên không đăng tin được. Tòa án xác định địa chỉ tại số xx T, phường P, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội là nơi cư trú cuối cùng của bà T và thực hiện việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng và giấy triệu tập đối với bà T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là bà Lê Hương T theo thủ tục chung.

[3] Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của bà Lê Hương T ký ngày 09/3/2020 và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A, ngày 16/3/2020, hạn mức 200.000.000 *(Hai trăm triệu)* đồng giữa bà Lê Thị T và Ngân hàng A được hai bên xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, hình thức và

nội dung phù hợp với quy định tại khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng được ban hành theo Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, nên có hiệu lực từ thời điểm giao kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán là có căn cứ nên được chấp nhận.

3.1. Về yêu cầu đòi nợ gốc: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) là hình thức tín chấp. Theo Tóm tắt sao kê tài khoản thẻ từ ngày 16/3/2020 đến ngày 21/9/2020, bà T đã thực hiện các giao dịch sử dụng tổng số tiền là 427.024.430 đồng, bà T mới trả được 201.000.000 đồng sau đó không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Ngày 21/9/2020 A đã chuyển nợ quá hạn và chấm dứt hợp đồng sử dụng thẻ và chốt số dư nợ gốc của thẻ tín dụng tính đến ngày 10/10/2024 là 198.898.248 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T phải thanh toán số dư nợ gốc tạm tính đến ngày 10/3/2025 là 198.898.248 đồng là phù hợp với khoản 1.9 Điều 1 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận. Buộc bà Lê Hương T trả số nợ gốc tạm tính đến ngày đến ngày 10/3/2025 là 198.898.248 đồng.

3.2. *Về yêu cầu đòi tiền lãi quá hạn:* Căn cứ bản tóm tắt sao kê của Ngân hàng xác định ngày 21/9/2020 là ngày cuối cùng bà T thực hiện nghĩa vụ thanh toán với số tiền thanh toán là 201.000.000 đồng. Căn cứ Điều 23 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 21/9/2020 và xác định tổng dư nợ là 226.024.530, trong đó dư nợ tính lãi quá hạn là 198.898.248 đồng, dư nợ không tính lãi quá hạn là 27.126.282 đồng, số tiền lãi quá hạn bà T phải trả tính đến ngày 10/3/2025 là 374.789.690 đồng và lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 11/3/2025 cho đến ngày bà T thanh toán được toàn bộ khoản vay. Xét yêu cầu đòi nợ lãi của Ngân hàng phù hợp với quy định tại Điều 5 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ vào Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP A buộc bà Lê Hương T phải trả số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 10/3/2025 là 374.789.690 đồng và lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 11/3/2025 cho đến ngày bà T thanh toán được toàn bộ khoản vay.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn bà Lê Hương T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền nợ cả gốc và lãi tính đến ngày 10/3/2025 là 600.814.220 đồng nên phải chịu 28.032.568 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015;

- Khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016; Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2013 của Ngân hàng Nhà nước;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A về việc yêu cầu bà Lê Hương T phải thanh toán số tiền nợ phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký kết ngày 09/3/2020.

Buộc bà Lê Hương T trả Ngân hàng thương mại cổ phần A các khoản tiền tính đến ngày 10/3/2025 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký kết ngày 09/3/2020 với tổng số tiền là **600.814.220** đồng (*Sáu trăm triệu tám trăm mười bốn nghìn hai trăm hai mươi hai đồng*), trong đó dư nợ không tính lãi quá hạn là 27.126.282 đồng, dư nợ tính lãi quá hạn là 198.898.248 đồng và lãi quá hạn là 374.789.690

2. Kể từ ngày 11/10/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

3.1. Ngân hàng thương mại cổ phần A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội theo biên lai thu số 0024305 ngày 01/10/2024 là 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*).

3.2. Bà Lê Hương T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 28.032.568 đồng (*Hai mươi tám triệu không trăm ba mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng*).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Hương T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND quận H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Thị Kim Oanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**